

Bản án số: 112/2022/HC-ST
Ngày: 24-01-2022
V/v Khiếu kiện hành vi
hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng
2. Bà Lê Thị Hồng Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 12 năm 2021, ngày 28 tháng 12 năm 2021 và ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2019/HCST ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện hành vi hành chính”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4266/2021/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11161/2021/QĐST-HC ngày 01 tháng 12 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11986/2021/QĐST-HC ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12127/2021/QĐST-HC ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông P, sinh năm 1950; Địa chỉ: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Người bị kiện: Ông B – Phó Chủ tịch Ủy Ban nhân dân Quận C. Là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 45/QĐ-UBND ngày 25/02/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện: Ông N – Phó trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị Quận C.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Trong các ngày 17/12/2021, 28/12/2021 các đương sự: Ông P, Bà H có mặt, đại diện Ủy Ban nhân dân Quận C có đơn xin vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy Ban nhân dân Quận C: Ông N có mặt.

Trong ngày 24/01/2022 các đương sự: Ông P có mặt, đại diện Ủy Ban nhân dân Quận C có đơn xin vắng mặt, Bà H có đơn xin vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy Ban nhân dân Quận C: Ông N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người khởi kiện Ông P trình bày:

Năm 2008, Ủy Ban nhân dân Quận C đã tách một phần đất tại địa chỉ Phường T, Quận C thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 23 thành đất sử dụng riêng, đất ở đô thị và năm 2010, Ủy Ban nhân dân Quận C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ với mục đích sử dụng đất là đất ở tại đô thị. Đến năm 2013 Ủy Ban nhân dân Quận C trình Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định quy hoạch phân đất trên thành đất tôn giáo.

Ngày 03/3/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận số CT 54518 tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 cho chùa T với mục đích sử dụng đất là đất tôn giáo, diện tích 404,2m².

Ngày 12/02/2018, ông nhận chuyển nhượng thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ nêu trên và đã được cập nhật sang tên trên Giấy chứng nhận số CH 14780 ngày 30/6/2015. Tuy nhiên, sau khi được cấp giấy chứng nhận ông xin cấp giấy phép xây dựng thì Ủy Ban nhân dân Quận C trả lời rằng đất trên quy hoạch là đất tôn giáo, chờ điều chỉnh.

Ông được chùa T, Ban Trị sự Giáo hội Phật Giáo Quận C và Ban Trị sự Giáo hội Phật Giáo Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận phần đất của ông không thuộc đất tôn giáo quản lý, đề nghị giải quyết cấp giấy phép xây dựng cho ông.

Đến nay đã 6 năm, Ủy Ban nhân dân Quận C vẫn không điều chỉnh lại để cấp giấy phép xây dựng cho ông, gây thiệt hại cho ông không xây dựng nhà được nên không khai thác được mặt bằng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hành vi hành chính của Ủy Ban nhân dân Quận C về việc không cấp giấy phép xây dựng đối với nhà Phường T, Quận C cho ông là hành vi hành chính trái pháp luật. Buộc Ủy Ban nhân dân Quận C cấp giấy phép xây dựng cho ông đối với căn nhà nêu trên. Yêu cầu Ủy Ban nhân dân Quận C bồi thường thiệt hại cụ thể: tiền cho thuê nhà tính từ ngày 12/02/2018 (ngày được cấp giấy chứng nhận) tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm khoảng tháng 6/2021: 40 triệu/tháng x 40 tháng = 1,6 tỷ đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Theo nội dung Công văn số 595/UBND-QLĐT ngày 04 tháng 6 năm 2020, Người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc, pháp lý liên quan việc sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất với mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị tại địa chỉ Phường T, Quận C như sau:

Chùa T được thành lập năm 1952, do cố Hòa thượng Q, thế dân V tạo dựng. Đến năm 2008 do yếu tố khách quan giữa chùa T và gia tộc của Hòa thượng Q nên chùa T đã đồng ý tách thửa (một phần) đất tại địa chỉ Phường T, Quận C cho gia tộc của Hòa thượng Q quản lý.

Ngày 29/3/2010 Ủy Ban nhân dân Quận C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 184763 tại thửa đất số 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ cho ông G với mục đích sử dụng đất là đất ở tại đô thị.

Ngày 03/3/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận số CT 54518 tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23 cho chùa T với mục đích sử dụng đất là đất tôn giáo, diện tích 404.2m². Trong Giấy chứng nhận này không có phần đất thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ.

Ngày 04/5/2018 Ni trưởng T Trụ trì chùa T có xác nhận thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ không thuộc sự quản lý của chùa T.

Ngày 05/5/2018, Ban Trị sự Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Quận C đã có Văn bản số 052/CV.BTS gửi Ban thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tờ trình của Ông P cũng đã có ý kiến: “Năm 2008 do yếu tố khách quan giữa chùa T và gia tộc của Hòa

thượng Q nên chùa T đã đồng ý tách thửa (một phần) đất tại địa chỉ Phường T, Quận C cho gia tộc của Hòa thượng Q quản lý”.

Ngày 10/5/2019 Ban Trị sự Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã có Văn bản số 049/CV.BTS đề nghị các cơ quan chức năng giúp đỡ chuyển đổi chức năng sử dụng đất tại Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000. Tuy nhiên, theo Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt năm 2013 thể hiện phần đất tại thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ \thuộc đất tôn giáo. Do trước đây đơn vị tư vấn lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C sơ sót không cập nhật đất ở nói trên.

Căn cứ Thông báo số 708/TB-VP ngày 16/10/2019 về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại buổi họp về giải quyết các khó khăn, vướng mắc của Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường có nội dung: “Đối với trường hợp khu đất nhỏ lẻ đã được cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin kiến trúc – quy hoạch, cấp giấy phép quy hoạch có nội dung khác với đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã được duyệt hoặc chưa cập nhật thông tin quy hoạch vào đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được duyệt, nhưng không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung của đồ án quy hoạch được duyệt: Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện có thẩm quyền sẽ phối hợp với Sở Quy hoạch Kiến trúc và Ủy ban nhân dân quận, huyện có liên quan để có ý kiến thống nhất và xem xét giải quyết cấp phép xây dựng...”

Từ thực tế trên, Ủy Ban nhân dân Quận C nhận thấy diện tích khu đất Phường T, Quận C có diện tích nhỏ, lẻ (108.7m²) không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung của Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T thuộc trường hợp đã nêu trên tại Thông báo số 708/TB-VP. Do đó, Ủy Ban nhân dân Quận C đã đề nghị Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn giải thích việc cấp phép xây dựng tại địa chỉ Phường T, Quận C. Sau đó, Ủy Ban nhân dân Quận C sẽ cập nhật đúng thực tế tại đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C.

Tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn giải thích việc cấp phép xây dựng tại địa chỉ Phường T, Quận C. Do đó, Ủy Ban nhân dân Quận C không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà H trình bày:

Bà là vợ của Ông P, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông P và yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P. Bà không bổ sung gì.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện xác định số tiền yêu cầu bồi thường thiệt do không khai thác được tiền thuê nhà tính từ ngày 12/02/2018 (ngày được cấp giấy chứng nhận) tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm khoảng tháng 12/2021: 40 triệu/tháng x 46 tháng = 1.840.000.000 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra, ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày. Yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện vẫn giữ nguyên các ý kiến mà Người bị kiện đã trình bày và yêu cầu Tòa án tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H thống nhất với phần trình bày của Người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung: Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện: Tuyên hành vi hành chính của Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí về việc không cấp giấy phép xây dựng đối với nhà Phường T, Quận C cho Ông P là hành vi hành chính trái pháp luật. Buộc Ủy Ban nhân dân Quận C cấp giấy phép xây dựng cho ông đối với căn nhà nêu trên. Căn cứ Khoản 2 Điều 7 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử tách yêu cầu khởi kiện buộc Ủy Ban nhân dân Quận C bồi thường thiệt hại 1.840.000.000 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng) ra thành một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện Người bị kiện Ủy Ban nhân dân Quận C có đơn xin vắng mặt, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng

hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hành vi không cấp giấy phép xây dựng đối với nhà Phường T, Quận C cho Ông P của Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/3/2018, Ủy Ban nhân dân Quận C – Phòng quản lý đô thị đã có Công văn số 98/QLĐT trả lời Ông P về việc cấp giấy phép xây dựng. Theo đó, hướng dẫn ông P liên hệ với Sở xây dựng để được hướng dẫn do đất ông P yêu cầu cấp giấy phép xây dựng là đất tôn giáo. Ngày 12/4/2018, ông P đã có tờ trình gửi Ủy Ban nhân dân Quận C và các cơ quan liên quan về việc xin cấp giấy phép xây dựng, ngày 19/12/2018, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã có Công văn số 6210/SQHKT-QHKV1 về việc hướng dẫn điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C liên quan đến khu đất Phường T, Quận C. Tuy nhiên, đến nay Ủy Ban nhân dân Quận C vẫn chưa giải quyết yêu cầu xin cấp giấy phép xây dựng cho ông P do chưa có văn bản hướng dẫn giải thích việc cấp phép xây dựng tại địa chỉ Phường T, Quận C của Sở Xây dựng. Ngày 13/8/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của Ông P. Căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông P, yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của Ủy Ban nhân dân Quận C về việc không cấp giấy phép xây dựng đối với nhà Phường T, Quận C cho Ông P là hành vi hành chính trái pháp luật. Buộc Ủy Ban nhân dân Quận C cấp giấy phép xây dựng cho Ông P đối với căn nhà nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 184763 ngày 29/3/2010 do Ủy ban nhân Quận C cấp cho ông G thì thửa đất số 401, tờ bản đồ số 23, địa chỉ có mục đích sử dụng đất là đất ở tại đô thị.

Theo Giấy chứng nhận số CH 14780 ngày 30/6/2015 do Ủy Ban nhân dân Quận C cấp cho bà Bùi Thị Thanh Thủy, đã được cập nhật chuyển nhượng cho Ông P ngày 12/02/2018 thì thửa đất số 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ có mục đích sử dụng là đất ở đô thị.

Theo Giấy chứng nhận số CT 54518 ngày 03/3/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho chùa T thuộc giáo hội phật giáo Việt Nam với mục đích sử dụng đất là đất tôn giáo tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23, diện tích 404.2m² thì trong Giấy chứng nhận này không có phần đất thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ nêu trên.

Theo trình bày của Người bị kiện tại Công văn số 361/UBND-QLĐT ngày 03/4/2020 về việc cấp phép xây dựng tại địa chỉ Phường T, Quận C và Biên bản đối thoại ngày 19/5/2020 thì: Do trước đây đơn vị tư vấn lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C sơ sót không cập nhật đất ở nói trên nên Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt năm 2013 thể hiện phần đất tại thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ thuộc đất tôn giáo.

Ủy Ban nhân dân Quận C nhận thấy diện tích khu đất tại Phường T, Quận C có diện tích nhỏ, lẻ (108.7m²) không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung của Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T thuộc trường hợp đã nêu trên tại Thông báo số 708/TB-VP.

Theo công văn số 434/SXD-CPXD ngày 12/01/2022 của Sở xây dựng thì theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 93 Luật Xây dựng 2014 sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 32 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 thì việc cấp giấy phép xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ trên phần đất có giấy chứng nhận với mục đích sử dụng là đất ở đô thị và phù hợp quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành là có cơ sở để xem xét giải quyết.

Xét thấy, từ ngày 29/3/2010 thì thửa đất số 401, tờ bản đồ số 23, địa chỉ đã được xác định mục đích sử dụng đất là đất ở tại đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 184763. Đến ngày 30/6/2015, Ủy ban nhân dân Quận C vẫn xác định thửa đất trên là đất ở tại đô thị theo Giấy chứng nhận số CH 14780. Như vậy, trước và sau khi có Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt năm 2013 thì thửa đất trên vẫn được xác định là đất ở tại đô thị. Ngoài ra, Giấy chứng nhận số CT 54518 ngày 03/3/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp cho chùa T với mục đích sử dụng đất là đất tôn giáo tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23, diện tích 404.2m² không có phần đất thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ nêu trên.

Người bị kiện cũng thừa nhận Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt năm 2013 thể hiện phần đất tại thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ thuộc đất tôn giáo là do sơ sót của cơ quan có thẩm quyền không cập nhật phần đất nêu trên và diện tích khu đất tại Phường T, Quận C có diện tích nhỏ, lẻ (108.7m²) không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung của Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường T, Quận C.

Từ những nhận định trên, có cơ sở để xác định phần đất thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ là đất ở tại đô thị.

Do thửa đất mà ông P xin cấp giấy phép xây dựng là đất ở tại đô thị và việc xin cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của ông P phù hợp với quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nên căn cứ Điều 91, Điều 93 Luật xây dựng, Khoản 32 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xác định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc không cấp giấy phép xây dựng đối với nhà Phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ông P là hành vi hành chính không đúng quy định của pháp luật. Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng cho Ông P đối với căn nhà Phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Đối với yêu cầu Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí bồi thường thiệt hại cụ thể: tiền cho thuê nhà tính từ ngày 12/02/2018 (ngày được cấp giấy chứng nhận) tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm khoảng tháng 12/2021: 40 triệu/tháng x 46 tháng = 1.840.000.000 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, Người khởi kiện cung cấp hợp đồng xây dựng nhà cho thuê, nhưng chưa cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh có thiệt hại thực tế của người khởi kiện thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của người bị kiện cũng như mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại theo quy định tại Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, căn cứ Khoản 2 Điều 7 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tách yêu cầu khởi kiện yêu

cầu Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí bồi thường thiệt hại ra để giải quyết sau bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với khiếu kiện hành vi hành chính của Người khởi kiện nên Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Do tách yêu cầu khởi kiện yêu cầu Ủy Ban nhân dân Quận C bồi thường thiệt hại ra để giải quyết sau bằng một vụ án khác nên Người khởi kiện không phải chịu án phí đối với yêu cầu này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Khoản 2 Điều 7, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, điểm c Khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 93 Luật Xây dựng;

Căn cứ Khoản 32 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông P:

Tuyên hành vi hành chính của Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc không cấp giấy phép xây dựng đối với nhà Phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ông P là hành vi hành chính không đúng quy định của pháp luật.

Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng cho Ông P đối với căn nhà Phường T, Quận C Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tách yêu cầu khởi kiện yêu cầu Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại cụ là 1.840.000.000 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng) ra để giải quyết sau bằng một vụ án khác.

3. Về án phí: Người bị kiện Ủy Ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân